

Quảng Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Trung Thành

Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-VDS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con chung” theo Quyết định mở phiên họp số: 239/2024/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu trước khi xuất cảnh: Số A, Ngõ C, đường T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại: Fran Za C Berlin Cộng hòa Liên Bang Đ; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Chị Lê Thị Huyền N, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố D, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung lập ngày 07/3/2024, của anh Trần Văn T và chị Lê Thị Huyền N đều thống nhất trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Lê Thị Huyền N có quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 05/10/2009 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã và xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù các bên đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến

năm 2011 anh [T](#) đi xuất khẩu lao động tại [C Liên Bang Đ](#), từ đó vợ chồng sống ly thân nhau và không ai còn quan tâm gì đến nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên [Trần Lê Như N1](#), sinh ngày 02/3/2010 và [Trần Lê Phước K](#) sinh ngày 27/8/2018. Sau khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao 02 con chung cho chị [Lê Thị Huyền N](#) nuôi dưỡng và anh [T](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc giải quyết việc dân sự:*

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đơn xin xử vắng mặt của các bên đương sự được thực hiện đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

+ Về nội dung: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận nuôi con việc cấp dưỡng nuôi con, lệ phí giải quyết việc dân sự giữa các đương sự. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo địa chỉ anh [Trần Văn T](#) cung cấp hiện cư trú tại: [Fran Za C Berlin Cộng hòa Liên Bang Đ](#); Hộ chiếu số N2305236 cấp ngày 04 tháng 02 năm 2021, nơi cấp Berlin, anh [T](#) hiện cư trú tại [Cộng hòa Liên Bang Đ](#) nhập cảnh vào Việt Nam ngày 17/3/2024 thì đây là việc dân sự có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, các bên đương sự đều có đơn yêu cầu, bản tự khai gửi cho Tòa án và đề nghị giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung. Vì điều kiện ở xa, việc đi lại khó khăn, nên các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án mở phiên họp giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh [Trần Văn T](#) và chị [Lê Thị Huyền N](#) kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 05/10/2009 theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân

hợp pháp, được pháp luật và xã hội công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một nhà nhưng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã khiến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh [T](#) đi xuất khẩu lao động và vợ chồng sống ly thân nhau trong một thời gian dài. Nay các bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung trên thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên đều có nguyện vọng thuận tình ly hôn nhau là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Các bên đều thừa nhận có 02 con chung tên [Trần Lê Như N1](#), sinh ngày 02/3/2010 và [Trần Lê Phước K](#) sinh ngày 27/8/2018 và thỏa thuận sau khi ly hôn giao 02 con chung cho chị [N](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh [T](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành. Xét thấy, thỏa thuận trên của các bên là tự nguyện và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh sinh sống của các bên đương sự hiện nay nên cần được ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận và không yêu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Các bên đương sự thỏa thuận anh [Trần Văn T](#) chịu nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự nên cần ghi nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37; các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 474, 475, 477 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 59, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh [Trần Văn T](#) và chị [Lê Thị Huyền N](#).

2. Về con chung: Ghi nhận thỏa thuận của các bên về việc giao con chung [Trần Lê Như N1](#), sinh ngày 02/3/2010 và [Trần Lê Phước K](#) sinh ngày 27/8/2018 cho chị [Lê Thị Huyền N2](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh [Trần Văn T](#) phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000/01 con/01 tháng) kể từ tháng 8/2024 cho đến khi các con lần lượt đủ tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện tự của anh [Trần Văn T](#) về việc chịu nộp toàn bộ số tiền 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0004832 ngày 12/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (*Xác nhận đương sự đã nộp đủ lệ phí*).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND phường Hải, thành phố Đồng Hới,
- Các đương sự;
- Lưu HS, toà DS; VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Đã ký

Trần Trung Thành